

Số: **2455**/QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày **01** tháng **6** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình việc làm
huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;
Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;
Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006;
Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm;
Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tại việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;
Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình việc làm huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / UK

Nơi nhận: V

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Sở Lao động - TB&XH (để b/c);
- Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ, các đoàn thể, hội cấp huyện;
- Lưu: VT, TBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình việc làm huyện Triệu Sơn giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 01/6/2017

của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020; nhằm đảm bảo đạt và vượt các mục tiêu về lao động, việc làm đến năm 2020 đã đề ra với lộ trình thực hiện từng năm (*Phụ lục I*).

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan; xác định rõ trách nhiệm và thời gian hoàn thành, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chương trình.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ, và giải pháp của Chương trình đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chương trình việc làm, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện trong Kế hoạch cần bám sát vào mục tiêu và giải pháp trong các Chương trình trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII; hàng năm thực hiện nghiêm chế độ thống kê, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp phù hợp cho những năm tiếp theo.

- Trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp được giao trách nhiệm chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải đảm bảo thực hiện tốt nội dung công việc được giao trong Kế hoạch này.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tập trung phát triển các ngành kinh tế có thế mạnh, tạo ra nhiều việc làm mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông - lâm - ngư nghiệp sang ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

1.1 Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kêu gọi đầu tư các dự án may mặc, giày da... thu hút nhiều lao động nông thôn; quảng bá, giới thiệu sản phẩm, góp phần tạo việc làm tăng thu

nhập cho người lao động. Thực hiện rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới chợ nông thôn; phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, khu vực đông dân cư, trung tâm các xã, thị trấn đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đáp ứng tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm của người dân.

1.2 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Triển khai thực hiện tốt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các cơ chế, chính sách của tỉnh, của huyện đã ban hành về nông nghiệp, nông thôn, chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, tiến tới xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến; đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

1.3 Phòng Văn hóa - Thông tin: Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển du lịch của huyện, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch của huyện đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, gắn với tiềm năng, lợi thế; từng bước hình thành và phát triển các tua du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh gắn liền với các tuyến du lịch của tỉnh theo quy hoạch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

1.4 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Đẩy mạnh thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện, hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm, phát triển thị trường lao động góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

2. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm

2.1 Phòng Tài chính - Kế hoạch: Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, các làng nghề để tạo ra nhiều việc làm mới thu hút lao động vào làm việc.

2.2 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, các hợp tác xã nông nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã liên doanh, liên kết và hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất tạo việc làm cho người lao động.

2.3 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện, Bảo hiểm xã hội huyện tăng cường kiểm tra việc triển khai thực hiện Bộ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn trong các doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn huyện, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp, hợp tác xã, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội.

2.4 Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện: Cho vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015

của Chính phủ; có trách nhiệm quản lý nguồn vốn và cho vay đúng đối tượng, đảm bảo mục tiêu giải quyết việc làm và bảo toàn vốn.

2.5 Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện các tổ chức tín dụng có liên quan: Cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vay vốn của nông dân trong huyện theo quy định tại Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đưa lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh ngoài

3.1 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với UBND cấp xã để triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước, đặc biệt là chính sách hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ các huyện nghèo xuất khẩu lao động giai đoạn 2009-2020; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ, tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh; Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đào tạo nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động theo Quyết định số 291-QĐ/TU ngày 27/05/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 23/KH-BCĐ ngày 07/02/2017 của Ban chỉ đạo Xuất khẩu lao động và Chuyên gia tỉnh Thanh Hóa.

3.2 Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động tuyên truyền, vận động người lao động trên địa bàn tích cực tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần nâng cao tay nghề, tác phong công nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động đồng thời tăng nhanh nguồn ngoại tệ về huyện để tái đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm cho lao động xã hội. Tích cực phối hợp với các doanh nghiệp ở các khu công nghiệp trong cả nước có nhu cầu tuyển dụng lao động để đưa đi làm việc ở tỉnh ngoài.

4. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/04/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu về cung - cầu lao động nhằm phục vụ tốt công tác phân tích, dự báo và thông tin thị trường lao động trên địa bàn huyện.

5. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.

5.1 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan, rà soát, sắp xếp lại, nâng cao chất lượng Trung tâm dạy nghề; đánh giá lại chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên đào tạo nghề; phát

triển chương trình, giáo trình, đầu tư trang thiết bị đào tạo; khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo. Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ; Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/09/2015, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015, Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học; bố trí, sắp xếp, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

6. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng, năng lực quản lý nhà nước về công tác lao động việc làm.

6.1 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động truyền thông về chương trình việc làm; đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội; kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả của chương trình việc làm ở các cấp.

6.2 Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện: Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn đài truyền thanh cấp xã tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về việc làm, thường xuyên thông tin về thị trường lao động, hỗ trợ người lao động trong việc tiếp cận, nắm bắt thông tin về cơ hội việc làm, giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

7. Huy động nguồn lực để thực hiện chương trình.

Nguồn kinh phí để thực hiện chương trình: *(Phụ lục II)*

- Kinh phí hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ.

- Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nguồn vốn cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp và người lao động là người dân tộc thiểu số vay khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nguồn vốn cho người lao động thuộc hộ cận nghèo, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng vay khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng xây dựng cụ thể hóa các hoạt động của chương trình, lập kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan (Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện) quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chương trình, điều hành có hiệu quả nguồn vốn cho vay từ Quỹ quốc gia việc làm;

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chương trình gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát và quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chương trình.

3. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Triệu Sơn

Tham gia theo thẩm quyền thực hiện hướng dẫn và cho người lao động vay vốn để sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và đi xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước.

4. Các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin, Tài nguyên - Môi trường, Y tế: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, phối hợp thực hiện các hoạt động của chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình việc làm trên địa bàn giai đoạn 2016-2020, chủ động huy động thêm các nguồn lực cho các hoạt động, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, cung cấp thông tin về chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn khi tham gia xuất khẩu lao động để người lao động tại địa phương hiểu rõ và tham gia; tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động của chương trình, hàng năm trước ngày 30/5 và 30/11 báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

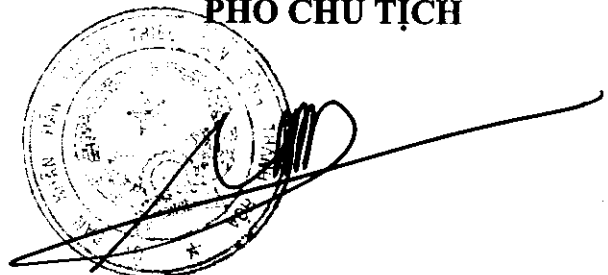
5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội của huyện.

- Phối hợp với các ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và các xã, thị trấn tích cực tuyên truyền vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia chương trình việc làm của huyện; chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia đóng góp cho chương trình việc làm; động viên, khích lệ người dân tự giải quyết việc làm.

- Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện xem xét, thẩm định các dự án được ủy thác trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm từ nguồn vốn do tổ chức mình quản lý theo quy định. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tuyên truyền, thành lập tổ vay vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn của hội viên, nông dân trong huyện theo quy định tại Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện tuyên truyền, nhân rộng những mô hình giải quyết việc làm có hiệu quả; giám sát việc thực hiện chương trình việc làm theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật. ././

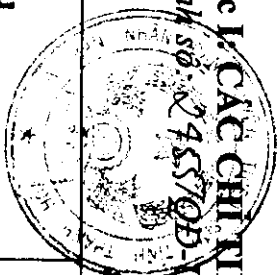
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

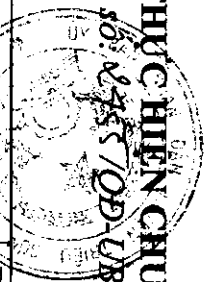
Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số: 2455/QĐ-VUBND ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020					
			Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Dân số	Người		202.138	203.331	204.531	205.738	206.952
2	Dân số trong độ tuổi lao động	Người		118.644	120.575	121.287	122.003	122.723
3	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người		95.527	96.762	97.333	97.907	98.485
*	<i>Chia theo nhóm ngành kinh tế</i>							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Người		40.408	37.834	35.624	32.799	30.629
	<i>Tỷ lệ</i>	%		42,3	39,1	36,6	33,5	31,1
	- Công nghiệp và xây dựng	Người		29.136	32.028	32.996	34.757	35.455
	<i>Tỷ lệ</i>	%		30,5	33,1	33,6	35,5	36
	- Dịch vụ	Người		25.983	26.900	28.713	30.351	32.401
	<i>Tỷ lệ</i>	%		27,2	27,8	29,7	31	32,9
4	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%		-	-	-	-	-
5	Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn	%		8,5	8,2	7,8	7,2	6,7
6	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người		3.625	4.000	4.200	4.300	4.500
*	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người		450	450	450	450	450
7	Nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm	%		18	22	25	28	30
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		56,5	60	63,2	66,9	71,2
	Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%		28,3	28,8	29,5	30,3	31,34

Phụ lục II: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM HUỖYỀN TRIỆU SƠN GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Quyết định số: 2345/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn)



TT	Hoạt động của Chương trình	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Theo Nghị quyết 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)	Triệu đồng	5.400		1.350	1.350	1.350	1.350
2	Thực hiện hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ)	Triệu đồng	23.000	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2.1	Chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Triệu đồng	2.500	500	500	500	500	500
2.2	Hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Triệu đồng	20.500	4.100	4.100	4.100	4.100	4.100
a	Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp và người lao động là người dân tộc thiểu số vay vốn khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội (Theo Điều 10 Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	Triệu đồng	12.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
b	Người lao động thuộc hộ cận nghèo, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng vay vốn khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Theo Điều 11 Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	Triệu đồng	8.000	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600